CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Ngày 30/09/2025	32,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.5%	**16.4%**	**108.8**

DT thuần
Q3/25
2,519
tỷ VNĐ
QoQ: ▼924| -26.8%
YoY: ▲ 259| 11.5%

LN thuần
Q3/25
1.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼69.5| -98.3%
YoY: ▼38.1| -97.0%

LN sau thuế
Q3/25
145
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 117| 413%
YoY: ▲ 116| 394%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
10.7%
YoY: +/-▲ 6.8%

ROE (TTM)
Q3/25
8.2%
YoY: +/-▲ 2.7%

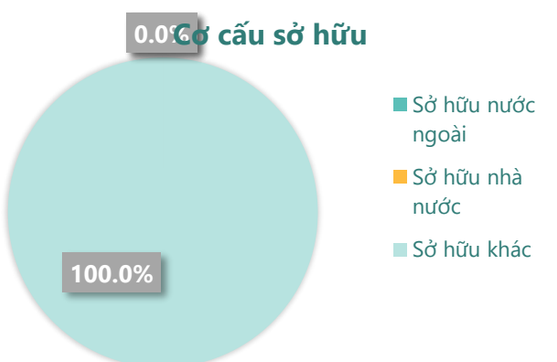
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,529 - 36,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,722
Số lượng CPLH (CP)	397,568,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,335
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.18
EPS	920
P/E	34.8

DT thuần
9T 2025
7,451
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,546| 26.2%

LN thuần
9T 2025
83.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.90| 2.4%

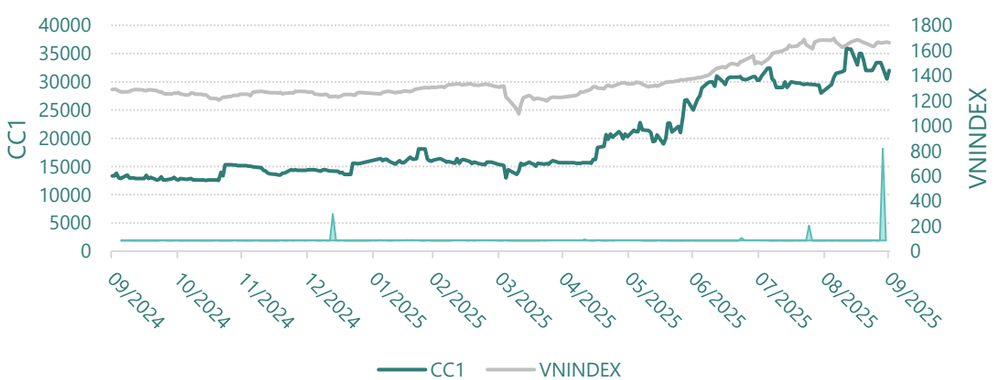
LN sau thuế
9T 2025
182
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 118| 185%

Cơ cấu sở hữu

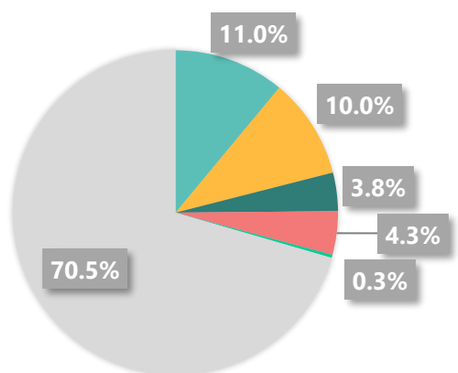


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



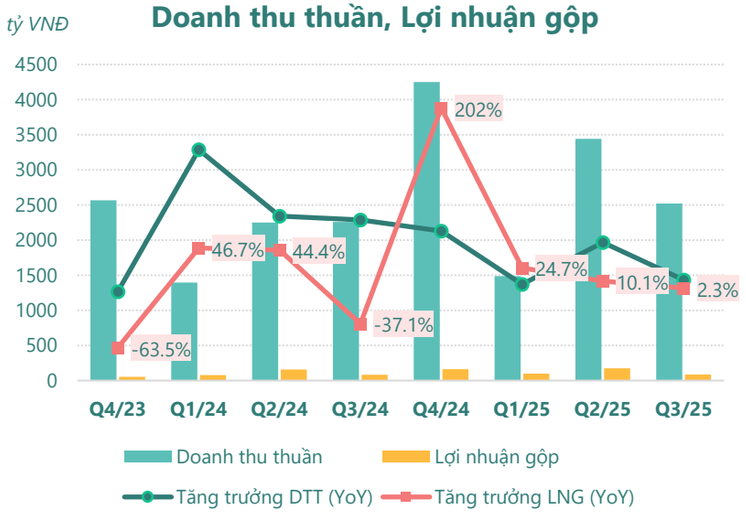
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

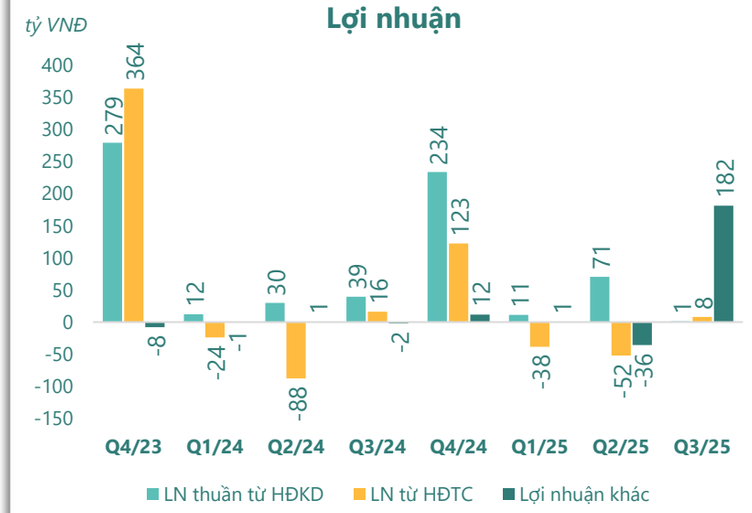
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



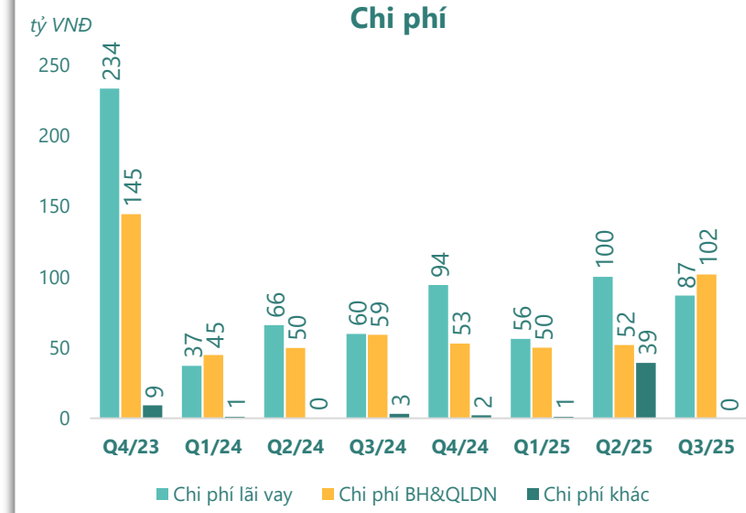
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



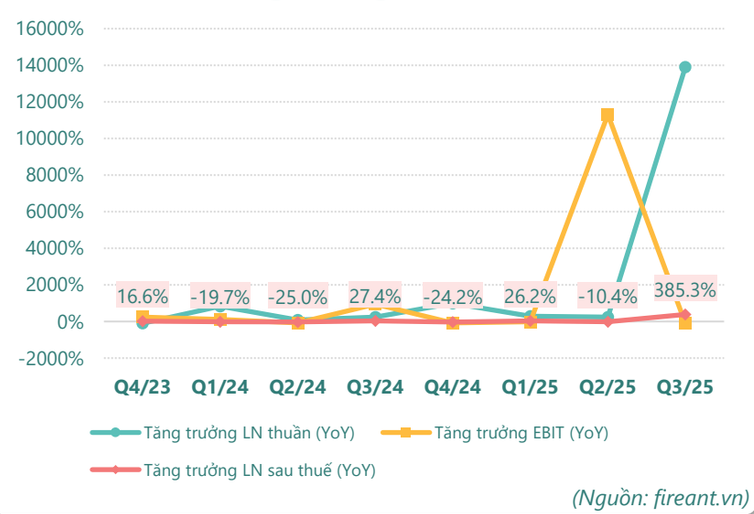
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



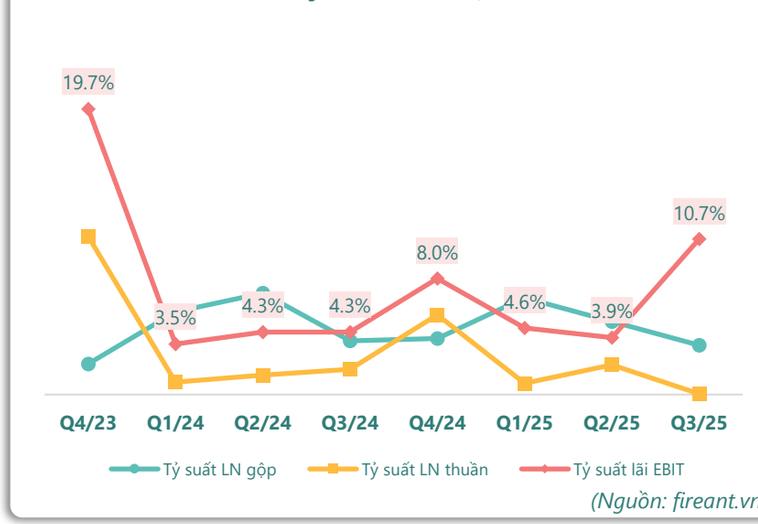
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



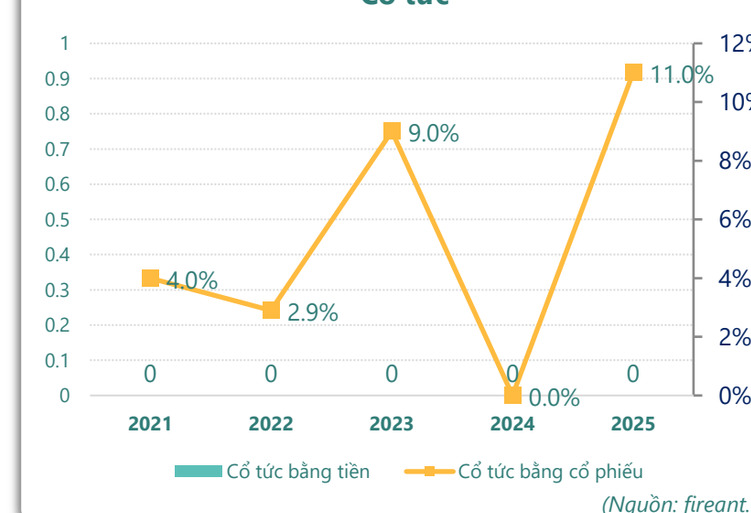
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

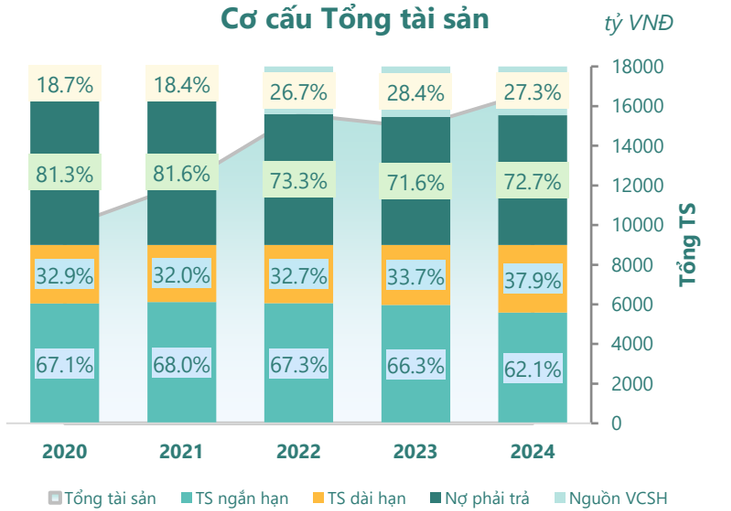
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

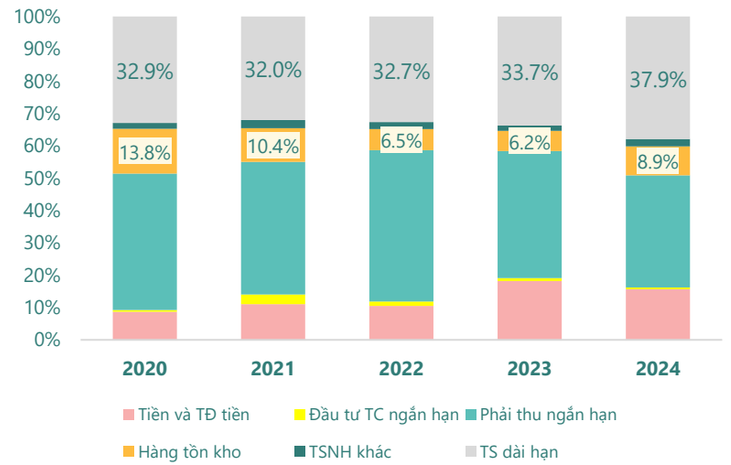
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



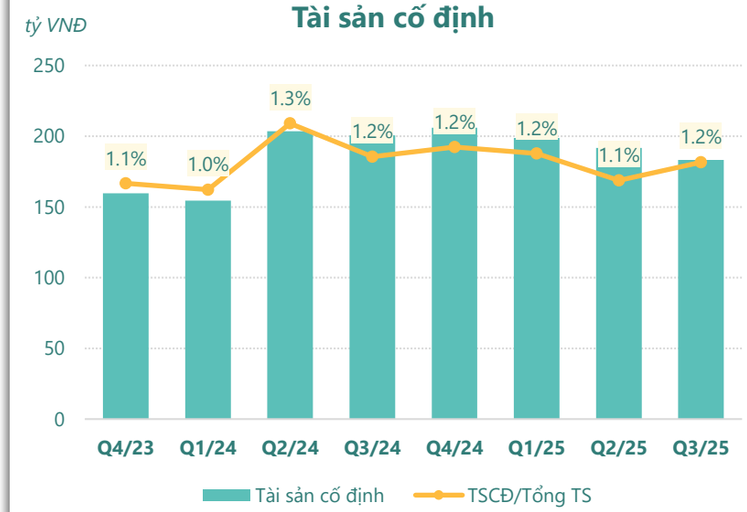
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



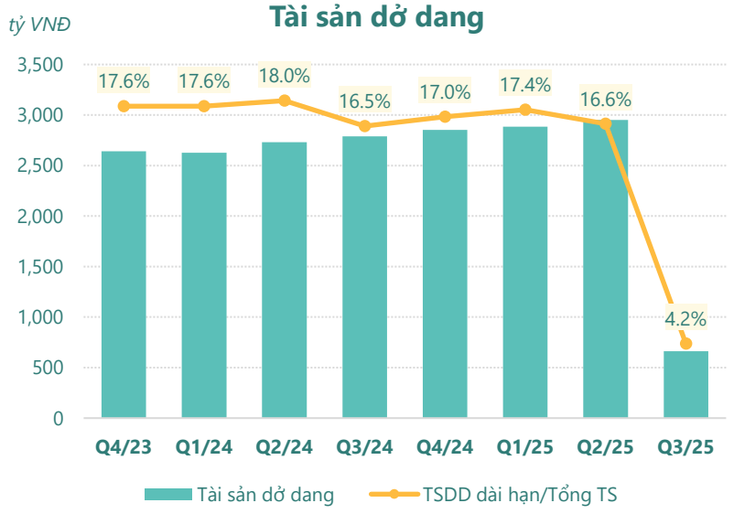
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



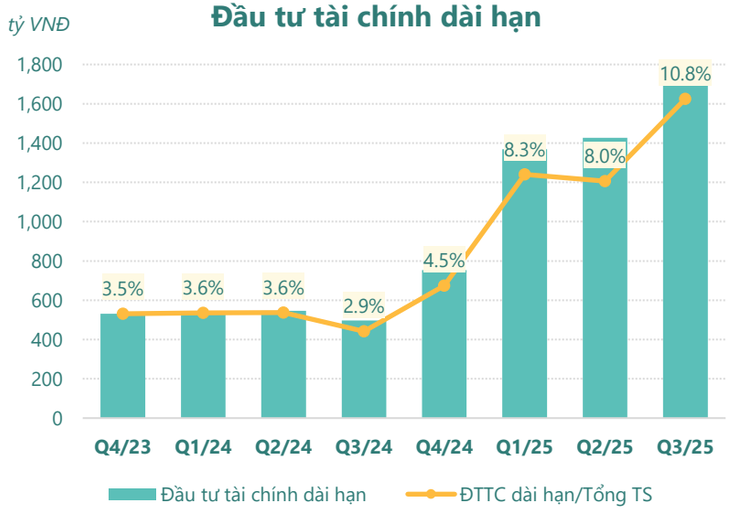
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



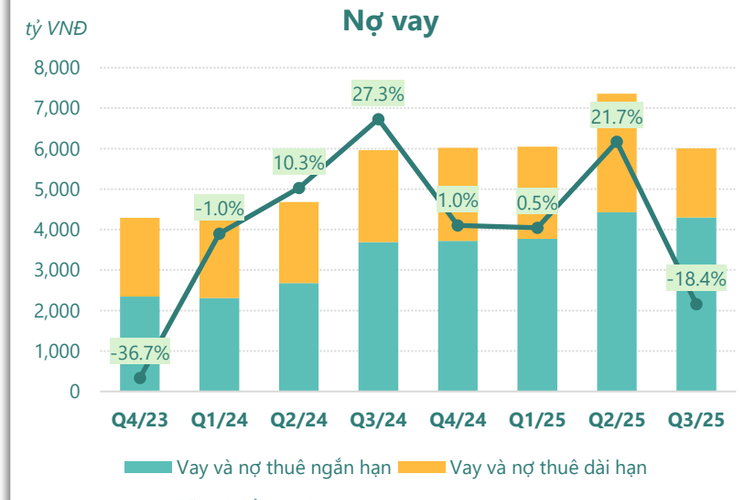
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

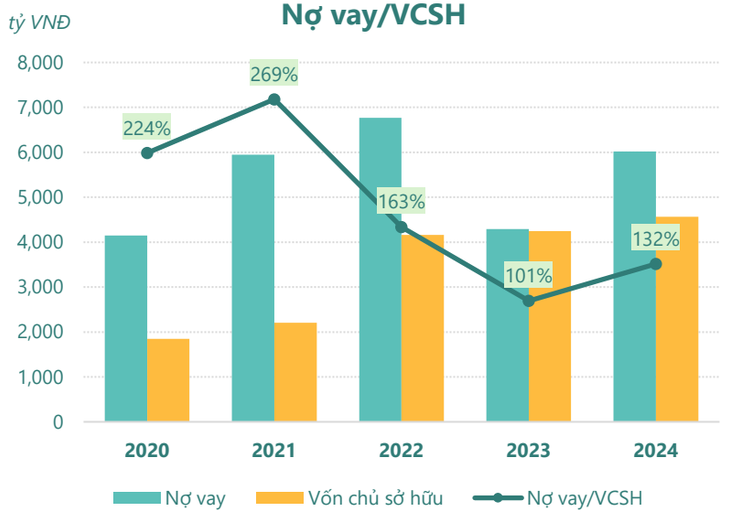
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

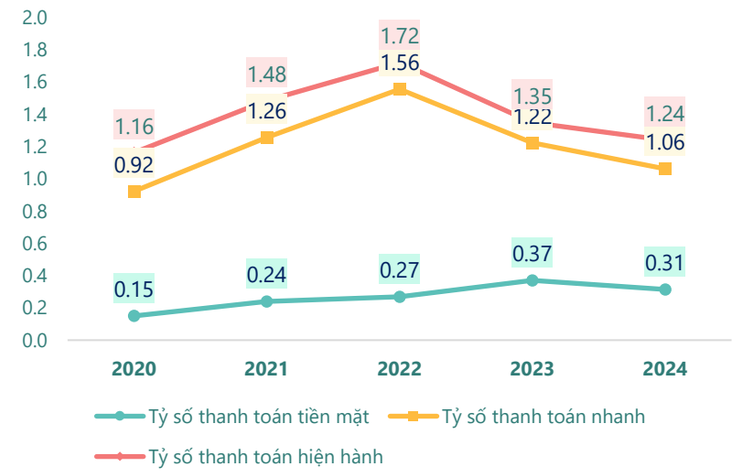
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



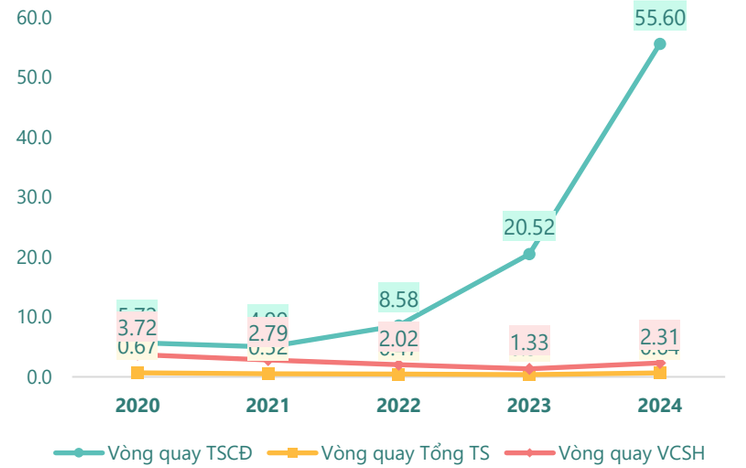
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



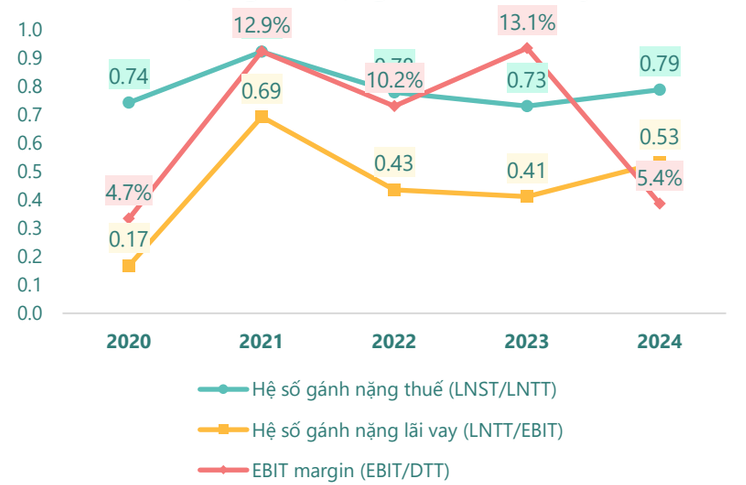
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



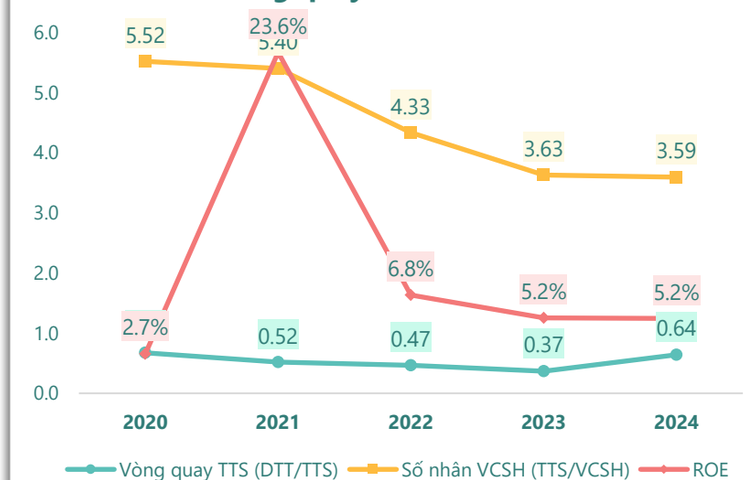
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



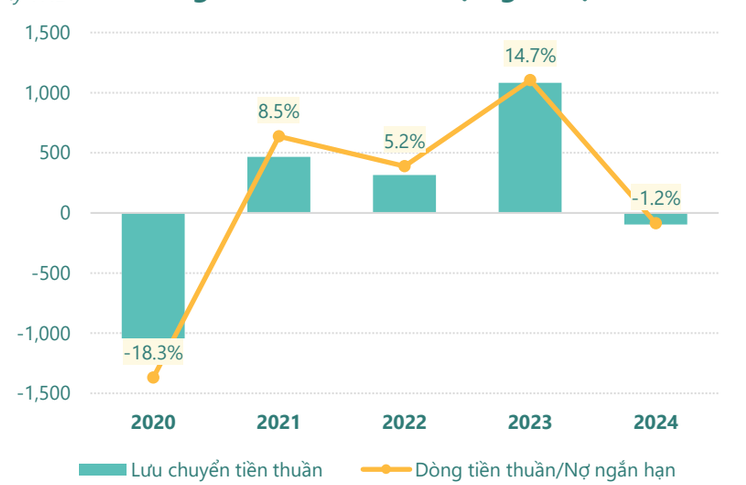
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,519**	**2,260**	**11.5%**	**7,451**	**5,905**	**26.2%**
Giá vốn hàng bán	2,434	2,177	11.8%	7,094	5,585	27.0%
Lợi nhuận gộp	85.4	83.5	2.2%	357	320	11.7%
Doanh thu HĐTC	99.0	81.1	22.0%	207	129	60.8%
Chi phí TC	91.1	64.6	41.0%	290	224	29.1%
Chi phí lãi vay	87.0	59.9	45.3%	243	163	49.2%
LN trong công ty LKLD	**9.87**	**-1.45**	**781%**	**12.2**	**10.5**	**16.2%**
Chi phí bán hàng	0	1.71	-100%	4.17	6.09	-31.5%
Chi phí QLDN	**102**	**57.4**	**77.6%**	**200**	**148**	**35.1%**
LN thuần từ HĐKD	1.17	39.3	-97.0%	83.2	81.3	2.4%
Lợi nhuận khác	**182**	**-1.83**	**10025%**	**147**	**-1.86**	**7997%**
LN trước thuế	183	37.5	387%	230	79.4	189%
Lợi nhuận sau thuế	**145**	**29.3**	**394%**	**182**	**63.9**	**185%**
LNST của CĐ cty mẹ	**154**	**29.0**	**432%**	**190**	**64.2**	**196%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,101	-233	-254	-405	-74.1	-2,320
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	677	-877	503	-179	-310	2,611
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	335	1,414	197	40.1	1,258	-1,399
Tiền đầu kỳ	1,964	1,875	2,180	2,625	2,081	2,955
Lưu chuyển tiền thuần	**-88.9**	**305**	**445**	**-544**	**874**	**-1,108**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.02	0.00	0.19	0.13
Tiền cuối kỳ	1,875	2,180	2,625	2,081	2,955	1,846

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**15,759**	**16,728**	**-5.8%**
Tài sản ngắn hạn	11,016	10,382	6.1%
Tiền và tương đương tiền	1,846	2,625	-29.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	238	91.1	161%
Phải thu ngắn hạn	6,257	5,800	7.9%
Hàng tồn kho	2,218	1,495	48.4%
Tài sản ngắn hạn khác	456	372	22.5%
Tài sản dài hạn	**4,743**	**6,346**	**-25.3%**
Phải thu dài hạn	1,771	2,041	-13.2%
Tài sản cố định	183	206	-11.0%
Bất động sản đầu tư	404	431	-6.4%
Tài sản dở dang	663	2,853	-76.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,708	754	126%
Tài sản dài hạn khác	**14.2**	**59.8**	**-76.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11,216	12,164	-7.8%
Nợ ngắn hạn	**8,535**	**8,370**	**2.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,299	3,722	15.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,202	1,712	-29.8%
Nợ dài hạn	2,681	3,793	-29.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,705	2,298	-25.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,543**	**4,564**	**-0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**4,543**	**4,564**	**-0.5%**
Vốn điều lệ	3,979	3,585	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)